

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 30 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Lạng Sơn năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 261/TTr-SLĐTBXH, ngày 30/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Lạng Sơn năm 2021, cụ thể như sau:

1. Theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020:

Tổng số hộ nghèo 11.090 hộ, chiếm 5,76% (giảm 2,12% so với năm 2020, tương đương giảm 5.025 hộ nghèo).

Tổng số hộ cận nghèo 16.950 hộ, chiếm 8,80% (giảm 0,47% so với 2020, tương đương giảm 2.009 hộ).

2. Theo chuẩn nghèo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025:

Tổng số hộ nghèo 23.511 hộ, chiếm 12,20%.

Tổng số hộ cận nghèo 23.247 hộ, chiếm 12,06%.

(có biểu tổng hợp và các phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này là căn cứ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và xây dựng các mục tiêu, giải pháp, cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CV, THCB;
- Lưu: VT, KGVX (ĐDD).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Xuân Huyền

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2021
THEO CHUẨN NGHÈO GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Đơn vị	Tổng số hộ dân cư (hộ)	Hộ nghèo			Hộ cận nghèo		
			Số hộ	Nhân khẩu	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Nhân khẩu	Tỷ lệ (%)
1	TP. Lạng Sơn	25.118	40	94	0,16	43	136	0,17
2	Tràng Định	15.053	1.016	4.076	6,75	1.284	5.504	8,53
3	Bình Gia	12.955	1.552	15	11,98	2.698	26	20,83
4	Văn Lãng	12.600	816	2.951	6,48	1.200	3.574	9,52
5	Cao Lộc	18.595	670	3.034	3,60	1.401	6.472	7,53
6	Văn Quan	13.503	1.526	6.481	11,30	3.209	14.518	23,77
7	Bắc Sơn	17.257	959	4.998	5,56	1.137	5.336	6,59
8	Hữu Lũng	30.927	1.335	5.037	4,32	1.890	7.935	6,11
9	Chi Lăng	18.504	828	3.458	4,47	1.335	6.060	7,21
10	Lộc Bình	20.706	1.785	7.684	8,62	1.717	7.356	8,29
11	Đình Lập	7.467	563	2.328	7,54	1.036	4.287	13,87
	Cộng	192.685	11.090	40.156	5,76	16.950	61.204	8,80

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2021
THEO CHUẨN NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 30/ 12/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Đơn vị	Tổng số hộ dân cư (hộ)	Hộ nghèo			Hộ cận nghèo		
			Số hộ	Nhân khẩu	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Nhân khẩu	Tỷ lệ (%)
1	TP. Lạng Sơn	25.118	66	179	0,26	51	166	0,20
2	Tràng Định	15.053	1.631	6.509	10,84	1.633	6.969	10,85
3	Bình Gia	12.955	3.427	15.174	26,45	5.173	22.223	39,93
4	Văn Lãng	12.600	1.892	7.285	15,02	1.250	5.267	9,92
5	Cao Lộc	18.595	2.101	9.219	11,30	2.460	11.277	13,23
6	Văn Quan	13.503	2.999	12.737	22,21	4.513	20.392	33,42
7	Bắc Sơn	17.257	2.520	11.295	14,60	1.563	6.876	9,06
8	Hữu Lũng	30.927	3.295	13.221	10,65	1.830	7.944	5,92
9	Chi Lăng	18.504	2.140	9.319	11,57	1.594	7.196	8,61
10	Lộc Bình	20.706	2.773	11.357	13,39	2.000	8.669	9,66
11	Đình Lập	7.467	667	2.766	8,93	1.180	5.154	15,80
	Cộng	192.685	23.511	99.061	12,20	23.247	102.133	12,06